



THE WIRES THAT WIND UP SUCCESS

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

## **TRỤ SỞ CHÍNH**

Địa chỉ: Km 35, quốc lộ 51, Phước Thái, Long Thành, Đồng Nai.

Điện thoại: 061 3841 578; Fax: 061 3841 577

Email: [contact@ngohanwire.com](mailto:contact@ngohanwire.com); Website: [www.ngohanwire.com](http://www.ngohanwire.com)

## **CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH**

Số 32, đường D2, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp.HCM.

Điện thoại: 08 3512 4120; Fax: 08 3512 4121

# MỤC LỤC

|       |                                                      |    |
|-------|------------------------------------------------------|----|
| I.    | THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....      | 3  |
| 1.    | Quá trình thành lập.....                             | 4  |
| 2.    | Niên yết.....                                        | 5  |
| 3.    | Quá trình hình thành và phát triển .....             | 5  |
| 4.    | Các đợt tăng vốn .....                               | 5  |
| 5.    | Các mốc phát triển .....                             | 6  |
| III.  | ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN .....                          | 6  |
| IV.   | BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....                  | 7  |
| 1.    | KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM .....                    | 7  |
| 2.    | KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH .....                   | 7  |
| 3.    | NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM .....               | 8  |
| 4.    | KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2012 .....         | 8  |
| 5.    | HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....       | 10 |
| V.    | BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC .....                  | 11 |
| 1.    | Báo cáo tình hình tài chính .....                    | 11 |
| 1.1   | Báo cáo tình hình kinh doanh năm 2011:.....          | 11 |
| 1.2   | Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2011: .....           | 12 |
| 1.3   | Tình hình tài sản:.....                              | 16 |
| 2.    | Các biện pháp quản trị nổi bật trong năm 2011: ..... | 17 |
| 3.    | Kế hoạch kinh doanh năm 2012:.....                   | 17 |
| VI.   | BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN .....                    | 21 |
| 1.    | Ý kiến của Kiểm toán viên:.....                      | 21 |
| 2.    | Bảng cân đối kế toán.....                            | 22 |
| 3.    | Kết quả kinh doanh .....                             | 24 |
| 4.    | Báo cáo lưu chuyển tiền tệ .....                     | 25 |
| VII.  | BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT .....                      | 27 |
| 1.    | Hoạt động của Ban Kiểm Soát .....                    | 27 |
| VIII. | NGUỒN NHÂN LỰC.....                                  | 30 |
| 1.    | Cơ cấu tổ chức và Bộ máy quản lý .....               | 31 |
| 2.    | Các thành viên trong ban điều hành.....              | 32 |
| 3.    | Tình hình nhân sự .....                              | 35 |
| IX.   | QUAN HỆ CỔ ĐÔNG.....                                 | 37 |
| 1.    | Danh sách cổ đông sáng lập:.....                     | 37 |
| 2.    | Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần: ..... | 37 |

## I. THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### *Kính thưa Quý Cổ đông và các nhà đầu tư !*

Năm 2011 tiếp tục đánh dấu là một năm sóng gió cho doanh nghiệp Việt Nam do chịu nhiều biến động của kinh tế thế giới và trong nước, đã tạo ra nhiều thách thức đối với doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Ngô Han nói riêng.

Những khó khăn trong năm 2011 đã không làm cản bước tiến của Ngô Han, HĐQT và Ban lãnh đạo thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ từng quý, không ngừng tìm kiếm những giải pháp cho những khó khăn trên để tìm ra hướng đi và nắm bắt những cơ hội từ thị trường. Với chiến lược đúng và sự đồng lòng của tập thể cán bộ công nhân viên cùng với sự ủng hộ không ngừng của Quý cổ đông, Tôi xin thông báo: kết thúc năm 2011, Công ty cổ phần Ngô Han đã đạt doanh số 1.396,48 tỷ đồng (hoàn thành 90% kế hoạch năm và tăng 15% so với năm 2010), Lợi nhuận sau thuế đạt 44,15 tỷ đồng (hoàn thành 67% kế hoạch năm, bằng 91% năm 2010).

Tình hình kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn đã tác động mạnh đến giá đồng cathode làm cho giá đồng cathode có những diễn biến rất phức tạp gây khó khăn cho công ty trong việc quản trị nguyên liệu đầu vào. Thêm vào đó, việc biến động tăng của tỷ giá VND/USD cũng đã ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả, tác động tiêu cực tới kết quả hoạt động kinh doanh của công ty, Doanh thu năm 2011 tăng 15% so với năm 2010 nhưng lợi nhuận sau thuế giảm 9% so với năm 2010.

Trong năm 2012, Ngô Han tiếp tục đầu tư xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường nội địa, xuất khẩu và đa dạng hóa danh mục sản phẩm... đồng thời tạo thêm các lợi thế cạnh tranh bằng việc liên tục tập trung cải tiến nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng và khai thác năng lực quản trị hệ thống, tăng cường năng lực công nghệ và nâng cao hiệu quả nguồn nhân lực.

Chúng tôi nhận định năm 2012 vẫn còn rất nhiều những khó khăn, thách thức và ngược lại cũng sẽ có nhiều cơ hội dành cho Ngô Han. Với chiến lược dài hạn của Ban Lãnh Đạo Công ty là hướng tới phát triển bền vững và ý chí quyết tâm của tập thể cán bộ CNV Ngô Han với những chuẩn bị trọng tâm, sự đồng lòng nhất trí và sự tiếp tục ủng hộ của Quý cổ đông, Tôi tin tưởng 2012 sẽ tiếp tục là năm tăng trưởng về sản lượng, thị phần và kỳ vọng đạt được kế hoạch lợi nhuận năm 2012 đã được HĐQT thống nhất thông qua để trình ĐHĐCĐ.

Với kết quả hoạt động năm 2011 & dự báo tình hình kinh tế năm 2012, Ngô Han xây dựng kế hoạch kinh doanh cho năm 2012 trình ĐHĐCĐ thông qua với tổng doanh thu mục tiêu đạt 1.569,46 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 55,67 tỷ đồng.

Chúc Quý cổ đông dồi dào sức khỏe, thành công và luôn đồng hành cùng sự phát triển của Ngô Han.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGÔ HAN  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH  
(Đã ký)  
NGÔ THỊ THÔNG**

## LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. Quá trình thành lập

- Tên giao dịch tiếng việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NGÔ HAN
- Tên giao dịch quốc tế: NGO HAN JOINT-STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: NHW
- Logo của công ty:



- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển đổi loại hình thành công ty Cổ Phần lần đầu số 4703000102 ngày 26/04/2004 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp và thay đổi lần 7 ngày 05/01/2011.
- Vốn điều lệ: 229.506.270.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín tỷ, năm trăm lẻ sáu triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng).
- Ngành nghề kinh doanh:
  - (a) Sản xuất nguyên liệu đồng nhôm; dây và cáp điện và các sản phẩm liên quan;
  - (b) Mua bán nguyên vật liệu đồng, nhôm, sơn cách điện, giấy cách điện, dây điện tử; dây và cáp điện.
  - (c) Mua bán phế liệu, phế thải kim loại (trừ các chất thải nguy hại theo danh mục tại Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ Tài Nguyên Và Môi Trường).
  - (d) Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
  - (e) Sản xuất mô tơ, máy phát; biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; thiết bị dây dẫn điện các loại; thiết bị điện chiếu sáng; đồ điện dân dụng; thiết bị điện khác.
  - (f) Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy); máy bơm, máy nén, vòi và van khác; dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén; máy thông dụng khác.
  - (g) Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; hệ thống điện.
  - (h) Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).
  - (i) Bán buôn tổng hợp.
  - (j) Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Trụ sở chính:

- Địa chỉ: Ấp Hiền Đức, xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (061) 3841578; Fax: (061) 3841577
- Email: [contact@ngohanwire.com](mailto:contact@ngohanwire.com);
- Website: [www.ngohanwire.com](http://www.ngohanwire.com) [www.ngohanwire.vn](http://www.ngohanwire.vn)
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Ngô Han:
  - Địa chỉ: Số 32, Đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
  - Điện thoại: (08) 3521 4120; Fax: (08) 3521 4121

## 2. Niêm yết

Giao dịch Chứng khoán TP.HCM vào ngày 12/01/2010 theo Quyết định số 03/QĐ - SGDHCM của Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP HCM và chính thức giao dịch vào ngày 26/01/2010, cụ thể:

- Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: NHW
- Mệnh giá: 10.000đồng
- Số lượng chứng khoán niêm yết: 22.950.627 cổ phiếu (Hai mươi hai triệu chín trăm năm mươi nghìn sáu trăm hai mươi bảy cổ phiếu).
- Tổng giá trị chứng khoán niêm yết: 229.506.270.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín tỷ, năm trăm lẻ sáu triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng).

## 3. Quá trình hình thành và phát triển

Năm 1987, ông Nguyễn Văn Sung và bà Ngô Thị Thông đồng sáng lập cơ sở sản xuất dây điện từ Ngô Han, với kinh nghiệm nhiều năm làm việc trong ngành công nghiệp điện, cả hai đã khởi đầu hoạt động sản xuất kinh doanh như một doanh nghiệp gia đình.

Từ năm 2000, công ty bắt đầu áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO:9001, tiếp theo đó là ISO 14000, SA 8000; thành lập và vận hành phòng thử nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO 17025 và sản xuất thành công sản phẩm có chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế như JIS, IEC, NEMA... Đặc biệt, năm 2003 Ngô Han là công ty sản xuất dây điện từ đầu tiên tại Việt Nam đạt được chứng chỉ chất lượng UL (Underwriters Laboratory), đồng thời được UBND TP.HCM bình chọn vào đợt đầu tiên của chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực của thành phố năm 2003-2005 và cho đến thời điểm hiện nay, Ngô Han đã chiếm lĩnh được khoảng 40% thị phần của thị trường dây điện từ tại Việt Nam.

Sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần vào năm 2004, Ngô Han đã thu hút được sự tham gia đầu tư của các quỹ đầu tư lớn như Mekong Enterprise Fund I, Mekong Enterprise Fund II, VietCapital, ngân hàng BIDV. Đến ngày 26 tháng 1 năm 2010, Ngô Han với mã chứng khoán NHW đã chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

## 4. Các đợt tăng vốn

| Thời gian  | Vốn điều lệ thực góp | Hình thức tăng vốn điều lệ              |
|------------|----------------------|-----------------------------------------|
| 26/04/2004 | 50.000.000.000       | Thành lập công ty cổ phần               |
| 03/05/2004 | 63.214.290.000       | Phát hành cho cổ đông chiến lược        |
| 09/05/2007 | 227.233.930.000      | Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu |

| Thời gian  | Vốn điều lệ thực góp | Hình thức tăng vốn điều lệ              |
|------------|----------------------|-----------------------------------------|
| 10/10/2009 | 229.506.270.000      | Phát hành cổ phiếu thưởng cho nhân viên |

## 5. Các mốc phát triển

- 1987 : Thành lập Cơ sở sản xuất dây điện từ Ngô Han, trụ sở đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- 1996 : Thành lập Công ty TNHH Ngô Han, xây dựng nhà máy mới và chuyển trụ sở chính về Đồng Nai với vốn điều lệ 50 tỷ đồng.
- 2004 : Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Ngô Han, Mekong Enterprise Fund I đầu tư vào 1.85 triệu USD, tăng vốn điều lệ lên 63,214,290,000 đồng.
- 2007 : Tăng vốn điều lệ lên 227,233,930,000 đồng, tiếp tục phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược như Mekong Enterprise Fund II, VietCapital, NH BIDV...
- 2009 : Tăng vốn điều lệ lên 229,506,270,000 đồng.
- 2010 : Chính thức niêm yết cổ phiếu trên SGD Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh
- 2011 : Thành lập Công ty TNHH MTV Thương mại & Dịch vụ Ngô Han.

## II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Chiến lược phát triển của Ngô Han là tiếp tục tập trung chủ lực vào lĩnh vực dây điện từ vốn là lợi thế cạnh tranh trong suốt những năm qua và sẽ tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh này bằng cách sản xuất ra những sản phẩm dây điện từ có sự khác biệt với đối thủ cạnh tranh như dây điện từ có cấp nhiệt cao hơn, dây điện từ siêu mỏng dùng trong các thiết bị tự động, sử dụng cho các loại cáp tín hiệu, cáp điều khiển ...

Ngoài sản phẩm dây điện từ, Ngô Han còn tập trung vào việc đầu tư nghiên cứu và đưa ra thị trường những sản phẩm mới có sử dụng nguồn nguyên vật liệu đồng đầu vào như đồng thanh cái Busbar, sản phẩm này đã được Ngô Han sản xuất và tung vào thị trường trong quý 4/2009, đây là một trong những sản phẩm khá đặc thù và trong những năm qua Việt Nam chủ yếu nhập khẩu từ nước ngoài mà chưa thể sản xuất được ở trong nước. Trong năm 2011, Ngô Han đã cho ra đời sản phẩm mới đó chính là dây cáp điện, với ưu thế về nguyên liệu đồng được mua trên thị trường LME đáp ứng được các tiêu chuẩn khắt khe về chất lượng, độ an toàn và tiết kiệm điện cho sản phẩm này. Cùng với việc thành lập Công ty TNHH MTV Thương mại & Dịch vụ Ngô Han, công ty với 100% vốn đầu tư của Ngô Han, chuyên về kinh doanh các sản phẩm thiết bị điện như dây cáp điện, công tắc, ổ cắm, thiết bị đóng ngắt, thiết bị bảo vệ, thiết bị chiếu sáng của các nhà sản xuất uy tín hàng đầu như Schneider, Panasonic, Sino/Vanlock, Paragon, Philips, ...

Hiện nay, Ngô Han đang tập trung vào việc mở rộng thị trường bán lẻ tại khu vực miền Trung, miền Tây và các tỉnh Tây Nguyên. Bên cạnh đó, Ngô Han tiếp tục tập trung vào việc củng cố, mở rộng phân khúc thị trường trong nước, đặc biệt là thị trường khu vực phía Bắc và thị trường xuất khẩu sang các nước khu vực Đông Nam Á, Châu Á và cả một số nước Châu Âu.

### III. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### 1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Trong năm 2011, Hội đồng Quản trị đã họp tổng cộng 4 lần với các nội dung như sau:

##### Lần 1 - ngày 31/03/2011:

- Báo cáo thực hiện nghị quyết HĐQT lần 4/2010.
- Báo cáo tài chính 2010.
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2 tháng 2011 và ước tính quý 2/2011.
- Chia cổ tức 2010 và kế hoạch 2011.
- Chính sách thưởng cho CB CNV áp dụng từ năm 2011.
- Tình hình thực hiện các dự án mới.
- Tầm nhìn đến năm 2014.
- Trình HĐQT thông qua chủ trương xây dựng trụ sở tại Đại lộ Đông Tây.
- HĐQT thảo luận thay đổi thành viên BKS trình ĐHCĐ thông qua.
- HĐQT thảo luận thông qua nội dung họp ĐHCĐ năm 2011.
- Báo cáo công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.

##### Lần 2 – ngày 30/06/2011:

- Báo cáo thực hiện nghị quyết HĐQT lần 1/2011.
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 5 tháng 2011 và ước tính quý 2/2011
- Báo cáo tình hình triển khai dự án mới.
- Báo cáo nhiệm vụ trọng tâm trong quý 3.2011.

##### Lần 3 – ngày 30/09/2011:

- Báo cáo thực hiện nghị quyết HĐQT lần 2/2011.
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 8 tháng 2011 và ước tính lợi nhuận đến hết quý 3/2011.
- Báo cáo tình hình triển khai dự án mới.
- Báo cáo các nhiệm vụ trọng tâm trong quý 3/2011.
- Thảo luận và thông qua kế hoạch hoạt động.

##### Lần 4 – ngày 28/12/2011:

- Báo cáo thực hiện nghị quyết HĐQT lần 3/2011.
- Báo cáo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong quý 4.2011.
- Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh 11 tháng 2011 và ước tính lợi nhuận năm 2011.
- Kế hoạch tài chính năm 2012.
- HĐQT thảo luận các nội dung báo cáo và thảo luận về việc triển khai thực hiện dự án mới

#### 2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

| KQKD<br>(Đvt: tỷ đồng) | 2010    | KH 2011 | TH 2011 | TH 2011/<br>2010 | TH 2011/<br>KH 2011 |
|------------------------|---------|---------|---------|------------------|---------------------|
| Doanh thu thuần        | 1,215.9 | 1,546.3 | 1,395.8 | 115%             | 90%                 |
| Lợi nhuận gộp          | 109.4   | 168.6   | 115.2   | 105%             | 68%                 |



|              |      |      |      |      |     |
|--------------|------|------|------|------|-----|
| Tổng chi phí | 45.1 | 81.1 | 74.4 | 165% | 92% |
| LNST         | 48.4 | 65.7 | 44.1 | 91%  | 67% |

- Doanh thu thuần : **1,546.3** tỷ đồng, hoàn thành **90%** KH 2011 do biến động giá đồng tăng cao, doanh thu tăng 15% so với năm 2010.
- Lợi nhuận ròng : **44.1** tỷ đồng, hoàn thành **67%** KH 2011 do giá vốn đẩy tổng chi phí lên cao nên LNST giảm 9% so với năm 2010.

### 3. NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM

#### 3.1 Miễn nhiệm và bổ nhiệm thành viên Ban kiểm soát:

Miễn nhiệm đối với Ông Trần Vinh Quang và Bà Phạm Mỹ Hạnh : theo đơn từ nhiệm.

Bổ sung thay thế:

- Ông Nguyễn Đông Hải: Quản lý Danh mục Đầu tư – Công ty Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt làm Trưởng Ban kiểm soát.
- Bà Võ Thị Vân Anh: Chuyên viên IR/PR, Công ty Cổ phần Ngô Han làm thành viên Ban kiểm soát.

### 4. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2012

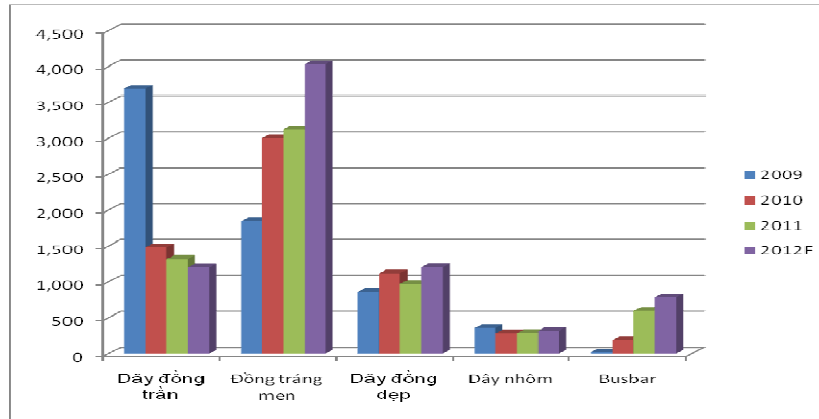
Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011 và dự báo tình hình thị trường năm 2012, HĐQT và Ban lãnh đạo công ty đã mạnh dạn đề ra kế hoạch sản kinh doanh năm 2012 như sau:

- Kế hoạch về sản lượng:

| Chỉ tiêu              | 2009         | 2010         | 2011         | 2012F        | 2012F/2011  |
|-----------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|-------------|
| Dây đồng trần         | 3,692        | 1,482        | 1,318        | 1,200        | 91%         |
| Đồng tráng men        | 1,845        | 2,999        | 3,125        | 4,031        | 129%        |
| Dây đồng dẹp          | 859          | 1,119        | 968          | 1,203        | 124%        |
| Dây nhôm              | 354          | 284          | 286.3638     | 320          | 112%        |
| Busbar                | 21           | 186          | 596          | 783          | 131%        |
| <b>Tổng sản lượng</b> | <b>6,772</b> | <b>6,070</b> | <b>6,294</b> | <b>7,537</b> | <b>120%</b> |

Tổng sản lượng dây kế hoạch năm 2012 tăng 20% so với thực hiện năm 2011. Biểu đồ chi tiết kế hoạch sản lượng dây:

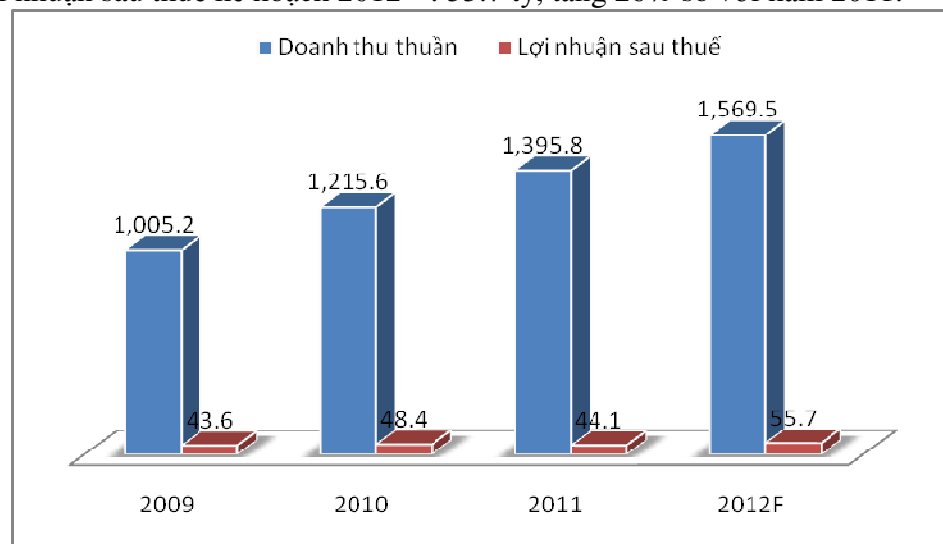




– Kế hoạch tài chính:

| Chỉ tiêu                  | 2009                     | 2010                     | 2011                     | 2012F                    |
|---------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>Doanh thu thuần</b>    | <b>1,005,233,707,443</b> | <b>1,215,584,590,856</b> | <b>1,395,826,811,431</b> | <b>1,569,458,518,130</b> |
| Giá vốn hàng bán          | 892,822,369,748          | 1,106,216,120,306        | 1,280,593,454,915        | 1,418,880,205,295        |
| <b>Lợi nhuận gộp</b>      | <b>112,411,337,695</b>   | <b>109,368,470,550</b>   | <b>115,233,006,516</b>   | <b>150,578,312,836</b>   |
| Tổng chi phí              | 58,752,311,995           | 44,863,150,844           | 61,414,738,855           | 76,340,317,631           |
| <b>LNTT</b>               | <b>53,659,025,700</b>    | <b>64,505,319,706</b>    | <b>53,818,267,661</b>    | <b>74,237,995,205</b>    |
| <i>Thuế TNDN</i>          | <i>10,073,015,900</i>    | <i>16,126,329,927</i>    | <i>9,077,169,645</i>     | <i>18,559,498,801</i>    |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b> | <b>43,586,009,800</b>    | <b>48,378,989,780</b>    | <b>44,149,514,807</b>    | <b>55,678,496,403</b>    |

- Tổng doanh thu kế hoạch năm 2012 : 1,569.46 tỷ, tăng 12% so với năm 2011.
- Lợi nhuận sau thuế kế hoạch 2012 : 55.7 tỷ, tăng 26% so với năm 2011.



## 5. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HDQT đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban giám đốc và các cán bộ quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HDQT. Ngoài ra, HDQT còn chú trọng công tác quản trị rủi ro, triển khai đồng thời việc chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi các quy trình quy chế này trong mọi mặt hoạt động của công ty., kịp thời phát hiện và khắc phục các nhược điểm, tạo đà cho việc phát triển bền vững, đảm bảo cân đối hài hòa lợi ích của Công ty, người lao động, khách hàng cũng như quyền lợi đối với người lao động, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt chức năng quản lý, thanh tra giám sát của mình.

Ban lãnh đạo, các bộ phận phụ trách các phòng ban, bộ phận trực thuộc đã tiến hành nghiêm túc việc kiểm tra định kỳ, đột xuất nên đã không để xảy ra thiệt hại về mặt vật chất, sai phạm trong công tác, hạn chế đến mức thấp nhất việc lãng phí cũng như rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

## 6. KẾT LUẬN

Trong thời gian tới Ngô Han sẽ tiếp tục phát triển theo hướng lấy sản phẩm chủ lực của công ty làm hướng phát triển trọng tâm chiến lược, giữ vững uy tín và vị thế của thương hiệu hàng đầu Việt Nam về lĩnh vực sản xuất dây điện từ. Để đạt được mục tiêu này, trong năm 2012 Ngô Han tiếp tục tập trung vào việc xây dựng thương hiệu, liên tục đổi mới và bổ sung danh mục sản phẩm, không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm để đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng tập trung vào việc khai thác năng lực quản trị hệ thống bằng cách tăng cường năng lực công nghệ và nâng cao hiệu quả nguồn nhân lực. Xây dựng cơ chế thù lao cho bộ máy quản lý, giám sát điều hành một cách hợp lý và tận dụng tối đa nguồn lực này cho sự phát triển bền vững của công ty cũng như nhà đầu tư.

Năm 2012 được nhận định tiếp tục còn nhiều khó khăn và thách thức, tuy nhiên với những chiến lược kinh doanh, quản lý dài hạn hướng tới sự phát triển bền vững, chúng tôi tin tưởng Ngô Han sẽ tiếp tục gặt hái được thành công, đạt được chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đề ra.

Trân trọng.

Tp.HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2012.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**NGÔ THỊ THÔNG**

## IV. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### 1. Báo cáo tình hình tài chính

#### 1.1 Báo cáo tình hình kinh doanh năm 2011:

##### a. Sản lượng bán hàng:

| Loại dây (tấn)     | 2010         | 2011         | KH 2011      | 2011/<br>2010 | 2011/<br>KH 2011 |
|--------------------|--------------|--------------|--------------|---------------|------------------|
| Dây đồng trần      | 1,482        | 1,318        | 2,401        | 89%           | 55%              |
| Dây đồng tráng men | 2,957        | 3,125        | 3,535        | 106%          | 88%              |
| Dây đồng dẹp       | 1,066        | 968          | 1,352        | 91%           | 72%              |
| Busbar             | 187          | 596          | 400          | 319%          | 149%             |
| Dây nhôm           | 252          | 286          | 303          | 113%          | 94%              |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b>5,944</b> | <b>6,293</b> | <b>7,991</b> | <b>106%</b>   | <b>79%</b>       |

- Tổng sản lượng dây bán năm 2011 đạt 6.293 tấn, bằng 79% kế hoạch năm 2011 & tăng 6% so với thực hiện năm 2010.
- Về chi tiết sản phẩm, chỉ có đồng thanh Busbar tăng 219% so với năm 2010 & vượt 49% kế hoạch sản lượng năm 2011. Các sản phẩm khác đều chưa đạt kế hoạch sản lượng đề ra. Riêng dây đồng tráng men & dây nhôm có tăng trưởng so với năm 2010.

##### b. Sản lượng theo nhóm khách hàng:

| Đồng tráng men | Tổng 2010    | Tỷ lệ 2010    | Tổng 2011    | Tỷ lệ 2011    | 2011/2010 |
|----------------|--------------|---------------|--------------|---------------|-----------|
| FDI            | 849          | 28.4%         | 898          | 28.7%         | 5.8%      |
| Nhà Nước       | 939          | 31.4%         | 954          | 30.5%         | 1.7%      |
| Tư Nhân        | 468          | 15.7%         | 427          | 13.7%         | -8.6%     |
| Xuất Khẩu      | 53           | 1.8%          | 86           | 2.7%          | 61.5%     |
| Bán lẻ         | 649          | 22.7%         | 760          | 24.3%         | 17.1%     |
| <b>TỔNG</b>    | <b>2,957</b> | <b>100.0%</b> | <b>3,125</b> | <b>100.0%</b> | <b>6%</b> |

- Thị trường bán lẻ và thị trường xuất khẩu tăng trưởng tốt trong năm 2011.
- Thị trường khách hàng tư nhân tăng trưởng âm 8,6% so với cùng kỳ chủ yếu là do không cạnh tranh về giá bán ở phân khúc làm quạt, bơm nước.

| Dây Đồng Dẹp | Tổng 2010    | Tỷ lệ 2010    | Tổng 2011  | Tỷ lệ 2011    | 2011/2010  |
|--------------|--------------|---------------|------------|---------------|------------|
| FDI          | 375          | 35.1%         | 356        | 36.8%         | -5%        |
| Nhà Nước     | 504          | 47.3%         | 462        | 47.7%         | -8%        |
| Tư Nhân      | 177          | 16.6%         | 150        | 15.5%         | -15%       |
| Xuất Khẩu    | 10           | 1.0%          | 0          | 0.0%          | -100%      |
| <b>TỔNG</b>  | <b>1,066</b> | <b>100.0%</b> | <b>968</b> | <b>100.0%</b> | <b>-9%</b> |

Toàn bộ các nhóm khách hàng dây dẹt đều bị tăng trưởng âm vì:

- Tình hình kinh tế khó khăn, giảm sút ở các dự án đầu tư dẫn đến giảm lượng mua dây dẹt làm máy biến áp cho các dự án. Bên cạnh đó cũng có trường hợp nhằm hạn chế rủi ro về công nợ phải thu trong tình hình kinh tế khó khăn nên chủ trương không bán hàng đối với một số các khách hàng không đảm bảo về mặt tài chính.
- Một số ít khách hàng chuyển sang sử dụng thử công nghệ nguyên vật liệu mới thay thế đó là đồng lá và đồng CTC.

## 1.2 Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2011:

### a. Tóm tắt kết quả kinh doanh:

| Chỉ tiêu<br>(Đvt: tỷ đồng) | Thực hiện<br>2010 | Thực hiện<br>2011 | K/Hoạch<br>2011 | 2011/2010   | TH 2011 /<br>KH 2011 |
|----------------------------|-------------------|-------------------|-----------------|-------------|----------------------|
| <b>Doanh thu thuần</b>     | <b>1,215.58</b>   | <b>1,395.83</b>   | <b>1,546.34</b> | <b>115%</b> | <b>90%</b>           |
| Lợi nhuận gộp              | 109.37            | 115.23            | 168.62          | 105%        | 68%                  |
| Tổng chi phí               | 55.16             | 74.44             | 81.06           | 135%        | 92%                  |
| LN trước thuế              | 64.51             | 53.48             | 87.56           | 83%         | 61%                  |
| <b>Lợi nhuận ròng</b>      | <b>48.38</b>      | <b>44.15</b>      | <b>65.67</b>    | <b>91%</b>  | <b>67%</b>           |

- Tổng sản lượng tăng 6% nhưng giá đồng tăng cao dẫn đến doanh thu tăng 15% so với 2010 và đạt 90% kế hoạch năm.
- Tuy nhiên do giá vốn, tổng chi phí tăng cao hơn nên lợi nhuận sau thuế giảm 9% so với 2010 và chỉ đạt 67% kế hoạch năm.

### b. Cơ cấu lợi nhuận gộp:

| Chỉ tiêu           | 2010            |                |             | 2011            |                |             |
|--------------------|-----------------|----------------|-------------|-----------------|----------------|-------------|
|                    | Sản lượng (tấn) | LN Gộp (Trđ)   | %           | Sản lượng (tấn) | LN Gộp (Trđ)   | %           |
| Dây đồng trần      | 1,482           | 8,900          | 8%          | 1,318           | 6,650          | 6%          |
| Dây đồng tráng men | 2,957           | 71,649         | 66%         | 3,125           | 64,827         | 57%         |
| Dây đồng dẹt       | 1,066           | 22,291         | 20%         | 968             | 21,049         | 19%         |
| Busbar             | 187             | 2,776          | 3%          | 596             | 11,633         | 10%         |
| Dây nhôm           | 252             | 7,892          | 7%          | 286             | 9,577          | 8%          |
| Cathode            | 1,735           | -4,290         | -4%         | 381             | -664           | -1%         |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b>7,679</b>    | <b>109,219</b> | <b>100%</b> | <b>6,674</b>    | <b>113,071</b> | <b>100%</b> |

Dây tráng men, dây dẹt và busbar: Ba nhóm sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận gộp cao nhất, đặc biệt là nhóm dây tráng men chiếm 57%.

### c. Hiệu suất sử dụng chi phí:

| Chỉ tiêu | Năm 2010 | Năm 2011 | 2011-2010 | 2011 / 2010 |
|----------|----------|----------|-----------|-------------|
|----------|----------|----------|-----------|-------------|

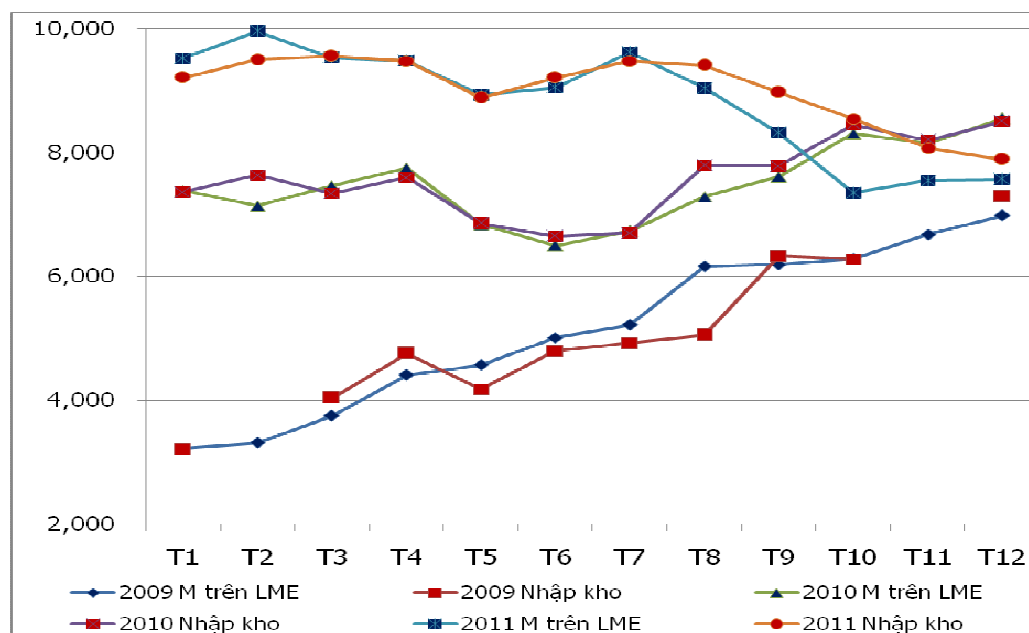
| (Đvt: tỷ đồng)                   |              |              |            |             |
|----------------------------------|--------------|--------------|------------|-------------|
| <b>Giá vốn hàng bán</b>          | <b>1,106</b> | <b>1,281</b> | <b>175</b> | <b>116%</b> |
| Chi phí bán hàng                 | 12,9         | 8            | -4,9       | 62%         |
| Chi phí quản lý                  | 10,3         | 16,1         | 5,8        | 156%        |
| Chi phí tài chính                | 31,8         | 50,3         | 18,5       | 158%        |
| Doanh thu tài chính              | 10           | 12,6         | 2,6        | 126%        |
| <b>Tổng chi phí SXKD</b>         | <b>1,151</b> | <b>1,368</b> | <b>217</b> | <b>119%</b> |
| <b>Doanh thu thuần</b>           | <b>1,216</b> | <b>1,396</b> | <b>180</b> | <b>115%</b> |
| <b>Hiệu suất sử dụng chi phí</b> | <b>1.056</b> | <b>1.020</b> |            | <b>97%</b>  |

Tình hình lạm phát tăng cao, tỷ giá & lãi suất ngân hàng biến động mạnh là nguyên nhân chính làm cho hiệu suất sử dụng chi phí năm 2011 giảm 3% so với năm 2010.

#### d. Chi phí giá vốn:

| Chỉ tiêu (Đvt: '000)     | Năm 2009             | Năm 2010             | Năm 2011             |
|--------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Doanh thu thuần</b>   | <b>1,005,233,707</b> | <b>1,215,584,596</b> | <b>1,395,826,461</b> |
| <i>Tăng trưởng DTT</i>   | <i>19.2%</i>         | <i>20.9%</i>         | <i>14.8%</i>         |
| Giá vốn hàng bán         | 892,822,370          | 1,106,216,120        | 1,280,593,455        |
| Lợi nhuận gộp            | 112,411,337          | 109,368,476          | 115,233,007          |
| <b>LN Gộp/ Doanh thu</b> | <b>11.2%</b>         | <b>9.0%</b>          | <b>8.3%</b>          |

- Tỷ suất lợi nhuận gộp năm 2011 giảm 0.7% so với năm 2010 và giảm đến 2.9% so với năm 2009.



Biểu đồ: Giá đồng bình quân trên sàn LME với giá đồng b/quân nhập kho

- Qua biểu đồ thì giá đồng năm 2011 có biến động phức tạp hơn năm 2010, 2009.
- Trong năm 2011 có 2 sóng giảm giá vào tháng 2 và giảm mạnh vào tháng 7 đã tác động làm tăng chi phí giá vốn -> Lợi nhuận gộp giảm so với năm 2010 & 2009.

**e. Chi phí bán hàng:**

| Chỉ tiêu (Đvt: tỷ đồng)      | Năm 2010        | Năm 2011        | 2011 - 2010   | 2011 / 2010 |
|------------------------------|-----------------|-----------------|---------------|-------------|
| Chi phí bán hàng             | 12.92           | 8.00            | (4.91)        | 62%         |
| Chi phí nhân viên            | 1.93            | 2.74            | 0.81          | 142%        |
| Chi phí hoạt động            | 4.32            | 4.44            | 0.13          | 103%        |
| Chi phí chiết khấu bán hàng  | 6.67            | 0.82            | (5.85)        | 12%         |
| <b>Doanh thu thuần</b>       | <b>1,215.58</b> | <b>1,395.83</b> | <b>180.24</b> | <b>115%</b> |
| <b>CP bán hàng/Doanh thu</b> | <b>1.06%</b>    | <b>0.57%</b>    |               |             |

- Chi phí bán hàng giảm 4,91 tỷ đồng chủ yếu do chi phí chiết khấu bán hàng giảm 5,85 tỷ so với năm 2010.

**f. Chi phí quản lý:**

| Chỉ tiêu (đvt: tỷ đồng)     | Năm 2010     | Năm 2011     | 2011 - 2010   | 2011 / 2010 |
|-----------------------------|--------------|--------------|---------------|-------------|
| Chi phí quản lý             | 10           | 16           | 5.51          | 153%        |
| Chi phí nhân viên quản lý   | 3            | 5            | 1.18          | 135%        |
| Chi phí hoạt động           | 7            | 11           | 4.33          | 162%        |
| <b>Doanh thu thuần</b>      | <b>1,216</b> | <b>1,396</b> | <b>180.24</b> | <b>115%</b> |
| <b>CPQL/Doanh thu thuần</b> | <b>0.85%</b> | <b>1.14%</b> |               |             |

- Chi phí quản lý năm 2011 tăng 5,51 tỷ đồng, chủ yếu là do chi phí hoạt động tăng lên 4,33 tỷ đồng, trong đó chi phí ngân hàng là 3,7 tỷ đồng.
- Như vậy thực chất chi phí quản lý chỉ tăng 1,81 tỷ đồng, tương ứng tăng 18,1%.

**g. Chi phí tài chính:**

| Chỉ tiêu (Đvt: tỷ đồng) | Năm 2010 | Năm 2011 | 2011-2010 | 2011 / 2010 |
|-------------------------|----------|----------|-----------|-------------|
| Chi phí tài chính       | 31.90    | 50.25    | 28.41     | 230%        |
| Chi phí lãi vay         | 14.45    | 17.61    | 3.16      | 122%        |
| Chi phí tài chính khác  | 17.45    | 32.64    | 15.19     | 187%        |

|                               |              |              |              |             |
|-------------------------------|--------------|--------------|--------------|-------------|
| Doanh thu tài chính           | 10.05        | 12.56        | 2.51         | 125%        |
| <b>Chi phí tài chính ròng</b> | <b>21.85</b> | <b>37.69</b> | <b>15.84</b> | <b>172%</b> |

**Chi phí tài chính tăng 81% so với năm 2010, chủ yếu do:**

- Lãi suất ngân hàng tăng làm Chi phí lãi vay tăng 3.16 tỷ đồng tương ứng tăng 22% so với năm 2010.
- Tỷ giá biến động & khó khăn trong việc vay Usd tài trợ hoạt động nhập khẩu làm Chi phí chênh lệch tỷ giá tăng 15.19 tỷ đồng tương ứng tăng 87% so với năm 2010.

**h. Tình hình đầu tư TSCĐ năm 2011:**

| Đầu tư TSCĐ năm 2011   | Nguyên giá            | Thời gian |
|------------------------|-----------------------|-----------|
| Máy phát điện Cummins  | 2,610,663,501         | 2/2011    |
| Máy tráng men          | 4,177,842,027         | 4/2011    |
| Xe Hyundai Mightry     | 473,836,363           | 9/2011    |
| Xây dựng nhà xưởng mới | 9,780,489,418         | 12/2011   |
| Xe Ford Everest 4x2 AT | 755,817,273           | 1/2011    |
| Quyền sử dụng đất      | 14,685,060,000        | 6/2011    |
| <b>TỔNG CỘNG</b>       | <b>32,483,708,582</b> |           |

**i. Chi phí lương, thưởng:**

| Chỉ tiêu                   | 2009      | 2010      | 2011      |
|----------------------------|-----------|-----------|-----------|
| Chi phí lương (tỷ đồng)    | 12,3      | 14,0      | 19,5      |
| <i>Tỷ lệ tăng</i>          |           | 13%       | 39%       |
| Số lượng nhân viên (người) | 179       | 219       | 229       |
| Lbq đồng/người/tháng       | 4,317,204 | 4,926,982 | 6,084,217 |
| <i>Tỷ lệ tăng</i>          |           | 14%       | 23.5%     |

| Năm<br>(Đvt: '000) | Lãnh đạo |         | Quản lý |         | NV, CN  |         | Tổng    |           |
|--------------------|----------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|-----------|
|                    | Nhân sự  | Lương   | Nhân sự | Lương   | Nhân sự | Lương   | Nhân sự | Lương     |
| 2010               | 7        | 236,950 | 17      | 165,860 | 195     | 594,169 | 219     | 996,979   |
| 2011               | 7        | 255,483 | 21      | 256,360 | 201     | 824,247 | 229     | 1,336,090 |
| 2011-2010          | 0        | 18,533  | 4       | 90,500  | 6       | 230,078 | 10      | 339,111   |
| 2011/2010          |          | 7.8%    | 23%     | 54.5%   | 3%      | 38.7%   | 4.5%    | 34%       |



Căn cứ theo Nghị Quyết HĐQT được ĐHCĐ thông qua trong năm 2011, mức thưởng hoạt động năm 2011 được trích 2% trên lợi nhuận sau thuế. Chi phí thưởng năm 2011 không bao gồm quỹ lương tháng 13.

Thưởng hoạt động năm 2011 (trích 2% LNST 44,15 tỷ năm 2011): 883,000,000 đồng.

Phân bổ thưởng năm 2011:

- Thưởng hoạt động được phân bổ cho tất cả CB CNV chính thức của Công ty dựa trên thu nhập thực tế (không bao gồm CB CNV nhận việc trong năm 2011).
- Như vậy tổng quỹ lương tháng 13 và thưởng hoạt động đã chi thực tế : 2,237,887,350 đồng (bao gồm quỹ lương tháng 13 và quỹ thưởng hoạt động năm 2011).

**j. Thù lao HĐQT – BKS & Chia cổ tức năm 2011:**

- Thù lao HĐQT – BKS:

| Thù lao          | 2011               |
|------------------|--------------------|
| HĐQT             | 96,000,000         |
| BKS              | 36,000,000         |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>132,000,000</b> |

- Chi cổ tức năm 2011: Theo nghị quyết ĐHCĐ năm 2011, chi trả cổ tức năm 2011 là 20%. HĐQT dự kiến chia cổ tức năm 2011 như sau:
  - Cổ tức lần 1: 10% bằng tiền vào tháng 20/06/2012
  - Cổ tức lần 2: 10% bằng tiền vào tháng 12/2012

**1.3 Tình hình tài sản:**

| DIỄN GIẢI                                   | MÃ         | 31/12/2010         | 30/12/2011         |
|---------------------------------------------|------------|--------------------|--------------------|
| <b>A. TSLĐ &amp; DT ngắn hạn</b>            | <b>100</b> | <b>673,169,815</b> | <b>568,062,196</b> |
| I. Tiền và tương đương tiền                 | 110        | 20,441,887         | 22,072,363         |
| II. Các khoản phải thu                      | 130        | 242,346,197        | 187,322,294        |
| IV. Hàng tồn kho                            | 140        | 379,955,134        | 347,320,398        |
| <b>B. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn</b> | <b>200</b> | <b>70,000,127</b>  | <b>100,825,807</b> |
| I. Tài sản cố định                          | 220        | 65,522,717         | 95,620,053         |
| <b>TỔNG TÀI SẢN</b>                         | <b>270</b> | <b>743,169,942</b> | <b>668,888,003</b> |
| <b>A. Nợ phải trả</b>                       | <b>300</b> | <b>486,084,042</b> | <b>379,127,902</b> |
| I. Nợ ngắn hạn                              | 310        | 484,922,718        | 370,884,649        |
| II. Nợ và vay dài hạn                       | 330        | 1,161,324          | 8,243,253          |
| <b>B. Nguồn vốn CSH</b>                     | <b>400</b> | <b>257,085,900</b> | <b>289,760,101</b> |
| I. Nguồn vốn chủ sở hữu                     | 410        | 229,506,273        | 229,506,273        |

|                              |            |                    |                    |
|------------------------------|------------|--------------------|--------------------|
| II. Lợi nhuận chưa phân phối | 420        | 27,579,626         | 60,253,827         |
| <b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>        | <b>440</b> | <b>743,169,942</b> | <b>668,888.003</b> |

Tổng tài sản năm 2011 đạt 668,89 tỷ đồng, giảm 10% so với cùng kỳ năm 2010. Tổng tài sản giảm chủ yếu do:

- Tổng giá trị hàng tồn kho năm 2011 giảm 32,6 tỷ so với năm 2010 (tương đương giảm 9%), tồn kho giảm chủ yếu là do giảm được tổng trị giá của tổng nguyên liệu chính tồn kho và nguyên liệu đang đi trên đường.
- Các khoản phải thu giảm 55,02 tỷ so với năm 2010 (tương đương giảm 23%), do công ty chủ động thu hồi công nợ nhằm tăng vòng quay vốn lưu động và giảm nợ vay ngân hàng.
- Nợ ngắn hạn giảm 114,04 tỷ so với năm 2010 (tương đương giảm 24%), do tình hình lãi suất tăng cao và tỷ giá biến động tăng liên tục nên công ty chủ động giảm nợ vay nhằm giảm chi phí tài chính. .

## **2. Các biện pháp quản trị nổi bật trong năm 2011:**

### **2.1 Quản trị giá vốn hàng bán:**

Giá vốn hàng bán luôn chiếm trên 90% doanh thu của Công ty, vì vậy việc quản trị giá đồng cathode đầu vào có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Ngõ Han.

Cùng với đà phục hồi kinh tế toàn cầu năm 2011, gia tăng nhu cầu sản xuất và sự gia tăng mạnh mẽ nhu cầu đồng cathode của Trung Quốc đã khiến giá đồng có những diễn biến vô cùng phức tạp. Trong năm 2011, giá đồng Cathode biến động với 2 sóng giảm mạnh đã ảnh hưởng rất lớn đến giá vốn hàng bán và chính sách bán hàng. Tuy nhiên, công ty đã chủ động quản lý chặt quy trình sản xuất – bán hàng nhằm giảm giá trị hàng tồn kho ở mức hợp lý nhằm giảm rủi ro do biến động giá nguyên liệu.

### **2.2 Quản trị tài chính:**

Nguồn nguyên vật liệu phần lớn phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu và chịu ảnh hưởng rất lớn từ sự trượt giá của VND trong thời gian qua. Vì vậy, công ty thực hiện các biện pháp thu hồi công nợ khách hàng nhằm giảm công nợ phải thu, giảm dư nợ vay ngắn hạn bằng USD nhằm giảm thiểu rủi ro do trượt giá VND.

## **3. Kế hoạch kinh doanh năm 2012:**

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011 và dự báo tình hình thị trường năm 2012, HĐQT và Ban lãnh đạo đã mạnh dạn đề ra kế hoạch sản kinh doanh năm 2012 như sau:

### **3.1 Kế hoạch về sản lượng bán:**

| Chỉ tiêu (Đvt: tấn)       | 2011         | Kế hoạch 2012 |                |
|---------------------------|--------------|---------------|----------------|
|                           |              | Chỉ tiêu      | 2012/2011      |
| Dây đồng trần             | 1,318        | 1,200         | 91.05%         |
| Dây đồng tráng men        | 3,125        | 4,031         | 128.99%        |
| Dây đồng dẹp              | 968          | 1,203         | 124.28%        |
| Busbar                    | 596          | 783           | 131.38%        |
| Dây nhôm                  | 286          | 320           | 111.89%        |
| <b>Tổng sản lượng dây</b> | <b>6,293</b> | <b>7,536</b>  | <b>119.75%</b> |

Tổng sản lượng kế hoạch năm 2012 tăng 19.75% so với thực hiện năm 2011. Tổng sản lượng kế hoạch tăng trong năm 2012 chủ yếu tập trung vào việc phát triển thị trường mới, khách hàng mới.

### 3.2 Kế hoạch kinh doanh:

| Chỉ tiêu<br>(Đvt: tỷ đồng) | 2010            | 2011            | Kế hoạch 2012   |                |
|----------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|----------------|
|                            |                 |                 | Chỉ tiêu        | 2012/2011      |
| <b>Doanh thu thuần</b>     | <b>1,215.98</b> | <b>1,395.83</b> | <b>1,569.46</b> | <b>112.44%</b> |
| Giá vốn hàng bán           | 1,106.22        | 1,280.59        | 1,418.88        | 110.80%        |
| <b>Lợi nhuận gộp</b>       | <b>109.76</b>   | <b>115.23</b>   | <b>150.58</b>   | <b>130.67%</b> |
| <i>LN gộp/Doanh thu</i>    | <i>9.03%</i>    | <i>8.26%</i>    | <i>9.59%</i>    |                |
| Chi phí quản lý            | 10.34           | 16.18           | 15.69           | 96.97%         |
| Chi phí bán hàng           | 12.92           | 8.00            | 10.99           | 137.30%        |
| Chi phí tài chính          | 31.90           | 50.25           | 49.66           | 98.83%         |
| <b>LN Trước thuế</b>       | <b>64.66</b>    | <b>53.48</b>    | <b>74.24</b>    | <b>138.82%</b> |
| <i>Thuế TNDN</i>           | <i>16.13</i>    | <i>9.33</i>     | <i>18.56</i>    |                |
| <b>LN Sau thuế</b>         | <b>48.38</b>    | <b>44.15</b>    | <b>55.68</b>    | <b>126.12%</b> |
| <i>LNST/Doanh thu</i>      | <i>3.99%</i>    | <i>3.07%</i>    | <i>3.55%</i>    |                |
| <b>EPS (Vnd/cp)</b>        | <b>2,109</b>    | <b>1,925</b>    | <b>2,426</b>    | <b>126.01%</b> |

#### Kế hoạch tài chính tóm tắt:

- Tổng doanh thu : 1,569.46 tỷ, tăng 12.44% so với năm 2011.
- Lợi nhuận sau thuế : 55.68 tỷ, tăng 26.12% so với năm 2011.

**a. Kế hoạch chi phí:**

| Chi phí tài chính             | Năm 2011    | KH 2012      | 2012F – 2011 | 2012F/2011 |
|-------------------------------|-------------|--------------|--------------|------------|
| <b>Chi phí tài chính ròng</b> | <b>31.9</b> | <b>49.66</b> | <b>17.76</b> | <b>56%</b> |
| Chi phí lãi vay               | 14.45       | 23.07        | 8.62         | 60%        |
| Chi phí tài chính khác        | 17.45       | 26.59        | 9.14         | 52%        |

| Chi phí quản lý<br>(đvt: tỷ đồng) | Năm 2011        | KH 2012         | 2012F – 2011  | 2012F/2011  |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|---------------|-------------|
| <b>Chi phí quản lý</b>            | <b>16.18</b>    | <b>15.69</b>    | <b>(0.16)</b> | <b>99%</b>  |
| Chi phí nhân viên quản lý         | 4.56            | 5.43            | 0.91          | 120%        |
| Chi phí hoạt động                 | 11.62           | 10.25           | (1.07)        | 91%         |
| <b>Doanh thu thuần</b>            | <b>1,395.83</b> | <b>1,569.46</b> | <b>173.63</b> | <b>112%</b> |
| <b>CPQL/Doanh thu thuần</b>       | <b>1.16%</b>    | <b>1.00%</b>    |               |             |

| Chi phí bán hàng<br>(Đvt: tỷ đồng) | Năm 2011        | KH 2012         | 2012F – 2011  | 2012/2011   |
|------------------------------------|-----------------|-----------------|---------------|-------------|
| <b>Chi phí bán hàng</b>            | <b>8</b>        | <b>10.69</b>    | <b>2.69</b>   | <b>134%</b> |
| Chi phí nhân viên                  | 2.74            | 3.562           | 0.822         | 130%        |
| Chi phí hoạt động                  | 4.44            | 5.028           | 0.588         | 113%        |
| Chi phí môi giới bán hàng          | 0.82            | 1.0             | 0.18          | 122%        |
| Chi phí marketing                  | -               | 1.1             |               |             |
| <b>Doanh thu thuần</b>             | <b>1,395.83</b> | <b>1,569.46</b> | <b>173.63</b> | <b>112%</b> |
| <b>CP bán hàng/Doanh thu</b>       | <b>0.57%</b>    | <b>0.68%</b>    |               |             |

**b. Kế hoạch chi phí lương 2012:**

| Chỉ tiêu                       | Năm 2011       | KH 2012        | 2012F – 2011  | 2012F/2011 |
|--------------------------------|----------------|----------------|---------------|------------|
| Chi phí lương                  | 19,505,998,164 | 23,407,197,797 | 3,901,199,633 | 120%       |
| Số lượng nhân viên (người)     | 229            | 254            | 25            | 111%       |
| Lương bình quân (người/tháng)  | 6,084,217      | 6,826,246      | 742,029       | 112%       |
| <i>Chi phí lương/ DT thuần</i> | <i>1.40%</i>   | <i>1.49%</i>   |               |            |

Kế hoạch chi phí lương năm 2012 tăng 20% so với năm 2011.

**c. Kế hoạch đầu tư năm 2012:**

- Xây trụ sở tại Đại Lộ Đông Tây:
  - Diện tích sàn: 256 m<sup>2</sup>, Giấy phép xây dựng cấp 1 tầng hầm, 1 tầng lửng, 5 tầng lầu. Tổng diện tích xây dựng ước : 1.838,3 m<sup>2</sup>.
  - Dự toán kinh phí xây dựng: 8.000.000 đ/m<sup>2</sup>.
  - Tổng chi phí: 1.838,3 x 8.000.000 đ/m<sup>2</sup> = 14,71 tỷ đồng.
- Chi phí đầu tư máy móc thiết bị:
  - Đầu tư máy đúc đồng mới: 3,36 tỷ đồng.
  - Đầu tư máy busbar size nhỏ: 1,5 tỷ đồng.

Như vậy tổng kế hoạch chi phí đầu tư trong năm 2012 là: 19.56 tỷ đồng.

**d. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2012:**

- Kế hoạch chia cổ tức năm 2012 : Tỷ lệ chia 20%
- Thù lao HĐQT – BKS năm 2012 : 1% Lợi nhuận sau thuế năm 2012
- Chính sách thưởng năm 2012:

| Stt | LN sau thuế            | Mức thưởng                                 | Đối tượng                                     |
|-----|------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| 1   | Dưới 50 tỷ             | 3% LNST nhưng không vượt quá 1 tháng lương | Toàn bộ CB CNV trong Công ty                  |
| 2   | Từ 50 tỷ đến 55,678 tỷ | 5% x (LNST - 50 tỷ)                        | Theo hiệu quả công việc do Tổng GD quyết định |
| 3   | Trên 55,678 tỷ         | 10% x (LNST - 55,7 tỷ)                     |                                               |

Thưởng năm 2012 chưa bao gồm lương tháng 13 theo quy định của pháp luật.

Trân trọng./.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGÕ HÂN**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*(Đã ký)*  
**NGÔ THỊ THÔNG**

## V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

### 1. Ý kiến của Kiểm toán viên:



**KPMG Limited**  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266  
Fax +84 (8) 3821 9267  
Internet www.kpmg.com.vn

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Ngô Han

#### Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Ngô Han tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc phê duyệt phát hành vào ngày 10 tháng 3 năm 2012. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

#### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ngô Han tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 10-01-189



Chang Hung Chun  
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV  
Phó Tổng Giám đốc



Lê Đức Phong  
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0465/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2012



## 2. Bảng cân đối kế toán.

Công ty Cổ phần Ngõ Han

Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2011

|                                     | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2011<br>VND      | 31/12/2010<br>VND      |
|-------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>                      |            |             |                        |                        |
| <b>Tài sản ngắn hạn</b>             | <b>100</b> |             | <b>568.062.196.465</b> | <b>673.169.814.971</b> |
| Tiền và các khoản tương đương tiền  | 110        | 3           | 22.072.363.390         | 17.523.029.503         |
| Các khoản phải thu                  | 130        | 4           | 187.322.294.256        | 245.265.054.540        |
| Phải thu khách hàng                 | 131        |             | 168.869.946.284        | 231.775.963.757        |
| Trả trước cho người bán             | 132        |             | 15.858.521.894         | 8.334.420.608          |
| Phải thu khác                       | 135        |             | 3.163.128.650          | 5.385.870.230          |
| Dự phòng phải thu khó đòi           | 139        |             | (569.302.572)          | (231.200.055)          |
| <b>Hàng tồn kho</b>                 | <b>140</b> | <b>5</b>    | <b>347.320.398.326</b> | <b>379.955.133.574</b> |
| <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>        | <b>150</b> |             | <b>11.347.140.493</b>  | <b>30.426.597.354</b>  |
| Chi phí trả trước ngắn hạn          | 151        |             | 2.195.180.605          | 1.482.382.594          |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152        |             | 8.961.457.626          | 28.910.014.806         |
| Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước    | 154        |             | 8.180.156              | 31.516.232             |
| Tài sản ngắn hạn khác               | 158        |             | 182.322.106            | 2.683.722              |
| <b>Tài sản dài hạn</b>              | <b>200</b> |             | <b>100.825.806.643</b> | <b>70.000.127.013</b>  |
| <b>Tài sản cố định</b>              | <b>220</b> |             | <b>95.620.052.820</b>  | <b>65.522.716.692</b>  |
| Tài sản cố định hữu hình            | 221        | 6           | 56.870.155.698         | 59.563.756.748         |
| Nguyên giá                          | 222        |             | 157.902.239.505        | 148.987.154.622        |
| Giá trị hao mòn lũy kế              | 223        |             | (101.032.083.807)      | (89.423.397.874)       |
| Tài sản cố định vô hình             | 227        | 7           | 15.331.802.250         | 1.201.092.750          |
| Nguyên giá                          | 228        |             | 16.954.389.818         | 2.269.329.818          |
| Giá trị hao mòn lũy kế              | 229        |             | (1.622.587.568)        | (1.068.237.068)        |
| Xây dựng cơ bản dở dang             | 230        | 8           | 23.418.094.872         | 4.757.867.194          |
| <b>Tài sản dài hạn khác</b>         | <b>260</b> |             | <b>5.205.753.823</b>   | <b>4.477.410.321</b>   |
| Chi phí trả trước dài hạn           | 261        | 9           | 5.025.480.820          | 4.297.137.318          |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại      | 262        |             | 180.273.003            | 180.273.003            |
| <b>TỔNG TÀI SẢN</b>                 | <b>270</b> |             | <b>668.888.003.108</b> | <b>743.169.941.984</b> |

**Công ty Cổ phần Ngô Han**
**Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)**

|                                  | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2011<br>VND      | 31/12/2010<br>VND      |
|----------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>NGUỒN VỐN</b>                 |            |             |                        |                        |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>               | <b>300</b> |             | <b>379.127.902.401</b> | <b>486.084.042.412</b> |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>               | <b>310</b> |             | <b>370.884.649.042</b> | <b>484.922.718.053</b> |
| Vay ngắn hạn                     | 311        | 10          | 233.891.955.549        | 341.951.523.676        |
| Phải trả người bán               | 312        |             | 97.601.653.790         | 126.007.661.525        |
| Người mua ứng trước              | 313        |             | 306.043.616            | 202.069.153            |
| Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước | 314        | 11          | 14.867.629.598         | 9.667.503.703          |
| Phải trả người lao động          | 315        |             | 31.622.517             | 1.005.511.133          |
| Chi phí phải trả                 | 316        | 12          | 22.179.625.537         | 2.605.669.849          |
| Phải trả nội bộ                  | 317        |             | 6.000.000              | -                      |
| Phải trả khác                    | 319        | 13          | 2.000.118.435          | 3.482.779.014          |
| <b>Nợ dài hạn</b>                | <b>330</b> |             | <b>8.243.253.359</b>   | <b>1.161.324.359</b>   |
| Vay dài hạn                      | 334        | 14          | 7.098.633.000          | -                      |
| Dự phòng trợ cấp thôi việc       | 336        | 15          | 1.144.620.359          | 1.161.324.359          |
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>            | <b>400</b> |             | <b>289.760.100.707</b> | <b>257.085.899.572</b> |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>            | <b>410</b> |             | <b>289.760.100.707</b> | <b>257.085.899.572</b> |
| Vốn cổ phần                      | 411        | 16          | 229.506.273.435        | 229.506.273.435        |
| Cổ phiếu quỹ                     | 413        | 16          | (127.160.000)          | (766.560.000)          |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu    | 419        |             | 127.160.000            | 766.560.000            |
| Lợi nhuận chưa phân phối         | 420        |             | 60.253.827.272         | 27.579.626.137         |
| <b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>            | <b>440</b> |             | <b>668.888.003.108</b> | <b>743.169.941.984</b> |

Người lập:



 Nguyễn Thị Hương  
Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Ngô Thị Thông  
Tổng Giám đốc



### 3. Kết quả kinh doanh

Công ty Cổ phần Ngõ Hân

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

|                                         | Mã số | Thuyết minh | 2011<br>VND         | 2010<br>VND         |
|-----------------------------------------|-------|-------------|---------------------|---------------------|
| Tổng doanh thu                          | 01    | 17          | 1.396.477.495.390   | 1.215.977.838.104   |
| Các khoản giảm trừ                      | 03    |             | (651.033.959)       | (393.242.108)       |
| Doanh thu thuần                         | 10    |             | 1.395.826.461.431   | 1.215.584.595.996   |
| Giá vốn hàng bán                        | 11    | 18          | (1.280.593.454.915) | (1.106.216.120.306) |
| Lợi nhuận gộp                           | 20    |             | 115.233.006.516     | 109.368.475.690     |
| Doanh thu hoạt động tài chính           | 21    | 19          | 12.558.799.722      | 10.053.049.229      |
| Chi phí tài chính                       | 22    | 20          | (50.253.650.261)    | (31.897.559.922)    |
| Chi phí bán hàng                        | 24    |             | (8.004.463.991)     | (12.918.830.098)    |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp            | 25    |             | (16.184.755.842)    | (10.339.486.542)    |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30    |             | 53.348.936.144      | 64.265.648.357      |
| Kết quả từ những hoạt động khác         | 40    |             |                     |                     |
| Thu nhập khác                           | 31    | 21          | 139.406.877         | 243.993.562         |
| Chi phí khác                            | 32    |             | (8.177.877)         | (4.217.073)         |
| Lợi nhuận trước thuế                    | 50    |             | 53.480.165.144      | 64.505.424.846      |
| Chi phí thuế thu nhập hiện hành         | 51    | 22          | (9.330.650.337)     | (16.126.356.213)    |
| Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại          | 52    | 22          | -                   | -                   |
| Lợi nhuận thuần sau thuế                | 60    |             | 44.149.514.807      | 48.379.068.633      |
| Lãi trên cổ phiếu                       |       |             |                     |                     |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu                | 70    | 23          | 1.925               | 2.109               |

Người lập:

  
Nguyễn Thị Hương  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
Ngô Thị Thông  
Tổng Giám đốc

#### 4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

**Công ty Cổ phần Ngân hàng**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

|                                                                         | Mã<br>số  | Thuyết<br>minh | 2011<br>VND            | 2010<br>VND              |
|-------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------|------------------------|--------------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                          |           |                |                        |                          |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>                                             | <b>01</b> |                | <b>53.480.165.144</b>  | <b>64.505.424.846</b>    |
| <b>Điều chỉnh cho các khoản</b>                                         |           |                |                        |                          |
| Khấu hao và phân bổ                                                     | 02        |                | 16.707.195.446         | 12.726.345.719           |
| Dự phòng                                                                | 03        |                | 438.102.517            | 58.357.633               |
| (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện                               | 04        |                | (2.183.069.477)        | 2.189.956.121            |
| Thu nhập lãi tiền gửi                                                   | 05        |                | (1.360.533.968)        | (4.220.358.401)          |
| Chi phí lãi vay                                                         | 06        |                | 17.611.611.555         | 11.467.202.369           |
| Thu từ thanh lý tài sản cố định                                         | 07        |                | -                      | (50.000.000)             |
| <b>Lợi nhuận hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b> | <b>08</b> |                | <b>84.693.471.217</b>  | <b>86.676.928.287</b>    |
| Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác                   | 09        |                | 76.684.114.628         | (119.627.345.138)        |
| Biến động hàng tồn kho                                                  | 09        |                | 32.634.735.248         | (199.114.730.818)        |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác                        | 10        |                | (11.162.340.561)       | 66.589.078.492           |
|                                                                         |           |                | <b>182.849.980.532</b> | <b>(165.476.069.177)</b> |
| Lãi vay đã trả                                                          | 11        |                | (16.906.352.631)       | (11.965.577.310)         |
| Thuế thu nhập đã nộp                                                    | 12        |                | (2.966.965.398)        | (23.194.818.420)         |
| <b>Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động kinh doanh</b>                 | <b>20</b> |                | <b>162.976.662.503</b> | <b>(200.636.464.907)</b> |

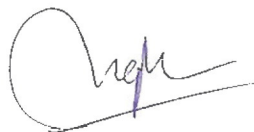
**Công ty Cổ phần Ngân hàng**
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)**

|                                                 | Mã<br>số  | Thuyết<br>minh | 2011<br>VND             | 2010<br>VND            |
|-------------------------------------------------|-----------|----------------|-------------------------|------------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>      |           |                |                         |                        |
| Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 21        |                | (47.532.875.076)        | (10.891.349.318)       |
| Thu từ thanh lý tài sản cố định                 | 22        |                | -                       | 50.000.000             |
| Thu lãi tiền gửi                                | 27        |                | 1.360.533.968           | 4.220.358.401          |
| <b>Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư</b>      | <b>30</b> |                | <b>(46.172.341.108)</b> | <b>(6.620.990.917)</b> |

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|                                                                                          |           |          |                          |                         |
|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------|--------------------------|-------------------------|
| Thu từ vay ngắn hạn và dài hạn                                                           | 33        |          | 1.160.965.629.296        | 1.112.824.355.162       |
| Chi trả nợ gốc vay                                                                       | 34        |          | (1.260.526.850.020)      | (944.766.347.697)       |
| Chi trả cổ tức                                                                           | 36        |          | (12.855.930.000)         | (34.795.923.144)        |
| <b>Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động tài chính</b>                                   | <b>40</b> |          | <b>(112.417.150.724)</b> | <b>133.262.084.321</b>  |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>                                                   | <b>50</b> |          | <b>4.387.170.671</b>     | <b>(73.995.371.503)</b> |
| <b>Tiền và các khoản tương đương đầu năm</b>                                             | <b>60</b> |          | <b>17.523.029.503</b>    | <b>91.518.401.006</b>   |
| <b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>61</b> |          | <b>162.163.216</b>       | <b>-</b>                |
| <b>Tiền và các khoản tương đương cuối năm</b>                                            | <b>70</b> | <b>3</b> | <b>22.072.363.390</b>    | <b>17.523.029.503</b>   |

Người lập:



 Nguyễn Thị Hương  
Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Ngô Thị Thông  
Tổng Giám đốc

## VI. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Ngõ Han quy định về chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Năm 2011, Ban Kiểm soát Công ty đã triển khai thực hiện nhiệm vụ và xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông những nội dung sau:

### 1. Hoạt động của Ban Kiểm Soát

Ban Kiểm Soát đã chú trọng đến những hoạt động giám sát, kiểm tra trên một số lĩnh vực sau:

- Giám sát hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, Điều hành của Ban Tổng Giám đốc và Bộ máy quản lý Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động của năm 2011 đã được Đại Hội Cổ Đông thông qua.
- Đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, trực tiếp làm việc với Ban lãnh đạo, điều hành các đơn vị trong Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót, từ đó đề xuất những kiến nghị giải pháp phù hợp cho ban lãnh đạo, điều hành Công ty.

### 2. Công tác điều hành, quản lý công ty:

#### a. Hội đồng quản trị: :

- Các hoạt động của HĐQT năm 2011 đã tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như các qui định của pháp luật hiện hành. HĐQT đã hoạt động tích cực, năng động nắm bắt tình hình kịp thời đề ra những giải pháp khắc phục những biến động bất lợi trong quá trình SXKD và khai thác những cơ hội thuận lợi đầu tư phát triển hiệu quả. Các quyết định của HĐQT đều mang tính tập trung và có sự thống nhất cao.
- Các chủ trương, quyết định của HĐQT: Việc tổ chức điều hành chiến lược phát triển SXKD của Công ty đều thực hiện trên cơ sở mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Phương án đầu tư và dự án đầu tư cơ bản thực hiện đúng quy trình đầu tư và Điều lệ Công ty quy định; các giải pháp về thị trường, tiếp thị và công nghệ thực hiện đảm bảo tính nguyên tắc và mang lại hiệu quả.

#### b. Tổng giám đốc và bộ máy quản lý:

Các hoạt động của Công ty đã được Ban Tổng giám đốc điều hành và bộ máy quản lý, giúp việc triển khai trên cơ sở Nghị quyết, quyết định của HĐQT và Điều lệ Công ty.

- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT và thực hiện tốt các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo đúng điều lệ Công ty và pháp luật quy định.
- Công tác quản lý, điều hành Công ty và hoạt động SXKD của các đơn vị thành viên đã có bước chuyển biến tích cực, nhạy bén năng động hơn trong dự báo và xây dựng chiến lược phát triển SXKD, tài chính trên cơ sở tuân thủ các quy chế, quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

**Năm 2011**, trước những biến động phức tạp của tình hình tài chính thế giới và trong nước, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty có sự nhạy bén, chủ động xử lý trước những diễn

biến bất lợi và khai thác thời cơ thuận lợi; vận dụng kịp thời, hợp lý các chính sách của Đảng và Nhà nước để đề ra những giải pháp phù hợp trong quá trình lãnh đạo, điều hành; phát huy hiệu quả các nguồn lực cho sự phát triển của Công ty.

### 3. Tình hình hoạt động SXKD và tài chính năm 2011:

Trên cơ sở báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 do Ban Tổng Giám đốc Công ty lập, Báo cáo kiểm toán của Công Ty Kiểm Toán KPMG, Ban Kiểm Soát đã thẩm định và thống nhất xác nhận:

- Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện đúng quy định.
- Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần Ngân hàng; phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

*Một số chỉ tiêu chính về tình hình hoạt động Công ty năm 2011:*

#### a Về tình hình tài chính:

(ĐVT: đồng)

| DIỄN GIẢI                            | MÃ         | 31/12/2010         | 30/12/2011         |
|--------------------------------------|------------|--------------------|--------------------|
| A. TSLĐ & ĐT ngắn hạn                | 100        | 673,169,815        | 568,062,196        |
| B. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn | 200        | 70,000,127         | 100,825,807        |
| <b>TỔNG TÀI SẢN</b>                  | <b>270</b> | <b>743,169,942</b> | <b>668,888,003</b> |
| A. Nợ phải trả                       | 300        | 486,084,042        | 379,127,902        |
| B. Nguồn vốn CSH                     | 400        | 257,085,900        | 289,760,101        |
| <b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>                | <b>440</b> | <b>743,169,942</b> | <b>668,888.003</b> |

#### b Về kết quả kinh doanh:

| Chỉ tiêu<br>(Đvt: tỷ đồng) | Thực hiện<br>2010 | Thực hiện<br>2011 | K/Hoạch<br>2011 | 2011/2010   | TH 2011 /<br>KH 2011 |
|----------------------------|-------------------|-------------------|-----------------|-------------|----------------------|
| <b>Doanh thu thuần</b>     | <b>1,215.58</b>   | <b>1,395.83</b>   | <b>1,546.34</b> | <b>115%</b> | <b>90%</b>           |
| Lợi nhuận gộp              | 109.37            | 115.23            | 168.62          | 105%        | 68%                  |
| Tổng chi phí               | 55.16             | 74.44             | 81.06           | 135%        | 92%                  |
| LN trước thuế              | 64.51             | 53.48             | 87.56           | 83%         | 61%                  |
| <b>Lợi nhuận ròng</b>      | <b>48.38</b>      | <b>44.15</b>      | <b>65.67</b>    | <b>91%</b>  | <b>67%</b>           |

- Doanh thu năm 2011 đạt 1,395.83 tỷ đồng, hoàn thành 90% KH năm và tăng 15% so với

năm 2010.

- LNST đạt 44.15 tỷ đồng, hoàn thành 67% kế hoạch 2011 và giảm 9% so với 2010.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Eps): 1.925 đồng/cổ phần.
- Theo Phương án HĐQT trình Đại hội quyết định thì mức cổ tức cho năm 2011 là 20% (2.000đ/1CP), 10% sẽ tạm ứng trong tháng 6.2012, 10% còn lại sẽ chia trong năm 2012.

#### **4. Nhận xét và kiến nghị:**

**a. Kết quả SXKD Công ty năm 2011, đã phản ánh sự phát triển an toàn, bền vững và tuân thủ đúng pháp luật; phù hợp cơ chế thị trường và tình hình thực tế Công ty.**

**b. Từ những đánh giá và nhận định trên Ban Kiểm Soát đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua:**

- Báo cáo tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và phương án phân phối lợi nhuận năm 2011 của Công ty đã trình trước Đại hội.
- Kế hoạch SXKD và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2012.

**c. Ban Kiểm Soát đề nghị Hội đồng quản trị và Ban quản lý, điều hành Công ty:**

- Các quy chế, quy trình quản lý và điều hành Công ty cần thường xuyên củng cố và hoàn thiện trên cơ sở các quy định hiện hành của pháp luật nhà nước.
- Tiếp tục nâng cao năng lực hoạt động của các phòng ban Công ty; hoàn chỉnh cơ chế, đưa hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả nhằm đảm bảo sự tuân thủ các quy định, giảm thiểu sai sót, nguy cơ rủi ro tiềm ẩn trong kinh doanh; khuyến khích nâng cao hiệu quả hoạt động và thiết lập được quy trình quản lý trong Công ty.
- Tăng cường công tác quản lý và điều hành các dự án đầu tư.
- Trong môi trường kinh tế hội nhập sâu rộng, tình hình tài chính trong nước và thế giới có nhiều biến động. HĐQT và Ban điều hành cần đánh giá, xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực hệ thống quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu, phù hợp với tình hình thực tế, đưa Công ty vượt qua mọi trở lực và phát triển bền vững.

#### **5. Phương hướng hoạt động năm 2012 của BKS:**

- Thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ Công ty và Pháp luật Nhà nước.
- Triển khai công tác kiểm tra, giám sát định kỳ theo Điều lệ hoặc đột xuất nếu cần thiết.
- Tham gia với Ban điều hành Công ty nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát nội bộ và quy trình quản lý trong Công ty.

**T/M BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

*(Đã ký)*

**NGUYỄN ĐÔNG HẢI**



## VII. NGUỒN NHÂN LỰC

Ngay từ những ngày đầu thành lập, với mục tiêu trở thành một trong năm công ty hàng đầu khu vực Đông Nam Á về sản xuất dây điện từ, Ông Nguyễn Văn Sung – người sáng lập công ty đã đặt nhân tố con người lên hàng đầu. Ông đã rất chú trọng đến công tác tuyển chọn, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đủ “tâm và tầm” để cùng lãnh đạo Ngô Han ổn định, phát triển đột phá không ngừng trong suốt 20 năm qua. Ông đã trực tiếp lựa chọn và tuyển dụng những nhân tố xuất sắc từ các trường đại học nổi tiếng để huấn luyện đào tạo thực tế về kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn và khả năng quản lý điều hành, cũng như có nhiều chính sách để thu hút nguồn nhân lực giỏi và đã có đầy đủ kinh nghiệm từ bên ngoài. Đến nay, Ngô Han đã sở hữu một đội ngũ lãnh đạo trẻ, năng động và đủ năng lực để điều hành, kế thừa sự nghiệp lãnh đạo tại Ngô Han ở tầm cao mới và nó đã thật sự trở thành một yếu tố cốt lõi tạo nên giá trị vượt trội của Ngô Han.

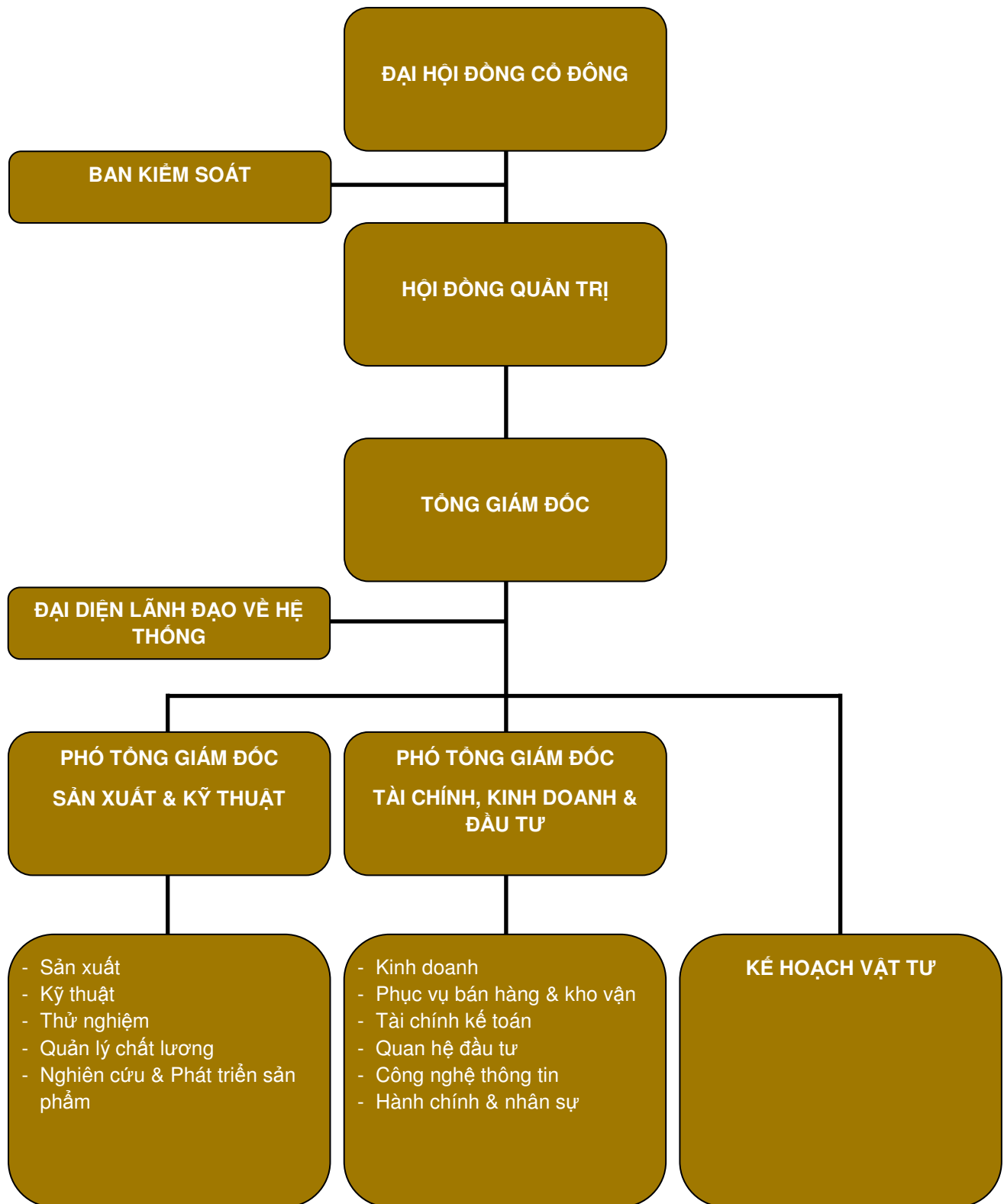
Sự lớn mạnh của Ngô Han như hôm nay không thể không nhắc đến Bà Ngô Thị Thông – đồng sáng lập Công ty Cổ phần Ngô Han, hiện đang giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty. Bà Thông được biết đến như là một chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh nguyên liệu đồng và dây điện từ. Bà Thông đã cùng với các cộng sự của mình lãnh đạo điều hành Công ty vượt qua rất nhiều khó khăn thách thức kể từ khi Bà chính thức tiếp quản công ty trên vai trò Chủ tịch HĐQT vào cuối năm 2006, cụ thể là Bà đã nhanh chóng đưa ra các quyết định nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các rủi ro do hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu tạo ra và kết quả là đã duy trì được lợi nhuận trong năm 2008 trong khi các công ty cùng ngành hàng, đối thủ cạnh tranh phải gánh chịu hậu quả nặng nề lên đến hàng trăm tỷ đồng, đặc biệt là Bà đã lãnh đạo con thuyền Ngô Han thực hiện đạt được khoản 43,5 tỷ lợi nhuận sau thuế trong năm 2009, vượt gần 100% so với kế hoạch ban đầu được HĐQT thông qua từ đầu năm 2009 là 22 tỷ đồng trong điều kiện tình hình kinh tế vĩ mô của Việt Nam có rất nhiều những biến động bất lợi cho Ngô Han như tình trạng tỷ giá hối đoái không ổn định, liên tục tăng cao và tình trạng tồn tại 2 tỷ giá đã gây thiệt hại rất lớn cho Ngô Han ... Và Bà đã khẳng định rằng để đạt được những kết quả như vậy cũng chính là nhờ vào một tập thể lãnh đạo trẻ, năng động và đầy nhiệt huyết mà hiện nay Ngô Han đang sở hữu.

Bên cạnh đó, với chiến lược “bán bớt một phần để phát triển hơn” của người sáng lập nên Ngô Han đã sớm tiếp cận được nguồn vốn, đặc biệt là tiếp cận được các phương pháp và kỹ năng quản trị tiên tiến trên thế giới từ quỹ đầu tư lớn như Mekong Enterprise Fund, Mekong Enterprise Fund II,... Điều này đã giúp các nhà lãnh đạo điều hành của Ngô Han bổ sung kiến thức và kinh nghiệm trong công tác quản trị doanh nghiệp để góp phần giúp Ngô Han không ngừng gia tăng giá trị, khẳng định được vị thế hàng đầu của mình tại thị trường trong nước và khu vực.

Ngô Han hiện đang có 229 cán bộ công nhân viên, trong đó có 7 người có trình độ sau đại học, 25 người có trình độ đại học, 62 người có trình độ cao đẳng và trung cấp, còn lại là những công nhân kỹ thuật lành nghề đã gắn bó lâu năm tại công ty. Mỗi cán bộ nhân viên phụ trách một lĩnh vực chuyên môn khác nhau, được phân công phân nhiệm và giao quyền hạn cụ thể để chủ động phát huy năng lực nhằm hoàn thành tốt nhất phạm vi nhiệm vụ được giao.



## 1. Cơ cấu tổ chức và Bộ máy quản lý



## 2. Các thành viên trong ban điều hành

### 2.1 Hội đồng quản trị

#### ❖ Bà Ngô Thị Thông – Chủ tịch HĐQT

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 01/ 2006 - nay Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Ngõ Han
- Trước 01/ 2006 Cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Ngõ Han

Đại diện: 0 cổ phần

Cá nhân: 5.826.743 cổ phần

Những người có liên quan: Nguyễn Vũ Dương (con): 2.216.709  
Nguyễn Văn Vũ Lượng (con): 1.497.776

#### ❖ Ông Nguyễn Anh Tuấn – TV HĐQT

Chức vụ: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Tài chính – Kinh doanh – Đầu tư

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh quốc tế.

Quá trình công tác:

- Từ 2005 - nay Giám đốc Tài chính - Quản trị - Quan hệ đầu tư CTCP Ngõ Han
- 2002-2005: Phó Giám đốc Chi nhánh - Cty Bình Tiên (Biti's)
- 2000-2002: Kế toán viên - SGE-Schiendler JV Co.,

Đại diện: 0 cổ phần

Cá nhân: 9.099 cổ phần

#### ❖ Ông Huỳnh Quốc Thái – TV HĐQT

Chức vụ: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Kỹ thuật – Sản xuất

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện - Điện tử.

Quá trình công tác:

- Từ 02/ 1998 - nay Giám đốc Sản xuất Cty Cổ phần Ngõ Han

Đại diện: 0 cổ phần  
Cá nhân: 18.179 cổ phần

❖ **Ông Nguyễn Khánh Linh – TV HĐQT**

Chức vụ: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Ngõ Han

Trình độ chuyên môn: Cao học Tài chính Ngân hàng.

Quá trình công tác:

- Từ 2007 - nay Tổng Giám Đốc CTCP Quản lý Quỹ Bản Việt
- Từ 2006 - 2007 Chuyên viên Ngân hàng phát triển nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long
- Từ 2002 - 2006 Giảng viên Đại Học Ngân Hàng HCM
- Từ 2001 - 2003 CFO Cty CP Dầu Nhớt Vilube
- Từ 1998 - 1999 Citibank HCM

Đại diện: 2.272.339 cổ phần

Cá nhân: 0 cổ phần

Lợi ích liên quan đối với công ty Đại diện phần vốn góp của Quỹ Bản Việt.

❖ **Ông Nguyễn Huy Hùng – TV HĐQT**

Chức vụ: Thành viên Hội đồng Quản trị CTCP Ngõ Han

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính Tín dụng

Quá trình công tác:

- Từ 1995 - nay Công tác tại chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển TP .Hồ Chí Minh
- Từ 1990 - 1994 Công tác tại ngân hàng nhà nước tỉnh An Giang .

Đại diện: 2.499.573 cổ phần (NH Đầu tư Phát triển VN)

Cá nhân: 0 cổ phần

Lợi ích liên quan đối với công ty Do NH Đầu tư Phát triển VN đề cử

**2.2 Ban điều hành**

❖ **Ông Phạm Thanh Quang – Giám đốc Kế hoạch vật tư**

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại thương

Quá trình công tác:

Từ 2007 - nay Giám đốc Kế hoạch Vật tư Cty Cổ phần Ngõ

|            |                                                                 |
|------------|-----------------------------------------------------------------|
|            | Han                                                             |
| 2004-2007: | Trưởng phòng Kinh doanh-Hanwha Corporation HCMC                 |
| 2003-2004: | Trưởng phòng Kinh doanh- New Asia Engineering& Trading Pte.,Ltd |
| 1996-2002: | Trưởng văn phòng Marubeni HCM – Marubeni Corporation            |
| Đại diện:  | 0 cổ phần                                                       |
| Cá nhân:   | 9.179 cổ phần                                                   |

❖ **Ông Hồ Thanh Tâm – Giám đốc chất lượng**

|                      |                                                                               |
|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| Trình độ chuyên môn: | Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.                                                  |
| Quá trình công tác:  |                                                                               |
| 1997-1998:           | Kỹ sư điện - Saigon Engineering Company (SGE)                                 |
| 1998-2005:           | Kỹ sư trưởng – Phòng Kỹ thuật quy trình - Fujitsu Computer Products Việt Nam. |
| 2005-2006:           | Trưởng phòng Sản xuất - RKW-LOTUS Co.,                                        |
| 2006-nay             | Giám đốc Chất lượng - Cty Cổ phần Ngõ Han.                                    |
| Đại diện:            | 0 cổ phần                                                                     |
| Cá nhân:             | 18.179 cổ phần                                                                |

❖ **Ông Trương Thanh Tuấn – Giám đốc kinh doanh**

|                      |                                                                  |
|----------------------|------------------------------------------------------------------|
| Trình độ chuyên môn: | Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Quốc tế.                             |
| Quá trình công tác:  |                                                                  |
| 2009-nay:            | Giám đốc Kinh doanh CTCP Ngõ Han                                 |
| 2008-2009:           | Giám đốc phát triển kinh doanh Kohler khu vực phía nam           |
| 2007-2008:           | Đại diện bán hàng dự án Jotun                                    |
| 2006-2007:           | Trợ lý Chủ tịch HĐQT - Cty SABECO                                |
| 2001-2006:           | Tư vấn bán hàng & Thiết kế công trình điện - Văn phòng Cty Asico |
| 1998-2001:           | Kỹ sư Điện tại Cty Crown.                                        |
| - Đại diện:          | 0 cổ phần                                                        |

- Cá nhân: 18.179 cổ phần

## **2.3 Ban kiểm soát**

### **❖ Ông Nguyễn Đông Hải**

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Tài chính, đầu tư.

Quá trình công tác:

- Từ 2010 - nay: Chuyên viên Quản lý Danh mục đầu tư – Cty  
Quản lý Quỹ Bản Việt.

- Đại diện: 0 cổ phần

- Cá nhân: 0 cổ phần

### **❖ Bà Nguyễn Anh Khuê**

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng.

Hiện tại là Phó phòng Kế hoạch Tổng hợp Ngân hàng ĐT&PT VN (BIDV), chi nhánh  
Tp.HCM.

### **❖ Bà Võ Thị Vân Anh**

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Hiện tại là Chuyên viên IR/PR Công ty Cổ phần Ngõ Han.

## **3. Tình hình nhân sự**

### **3.1 Số nhân viên hay lao động theo từng chức năng hay bộ phận**

|                                                      |            |
|------------------------------------------------------|------------|
| - Lãnh đạo:                                          | 07         |
| - Quản lý:                                           | 21         |
| - Bán hàng, Phục vụ bán hàng & phát triển sản phẩm : | 38         |
| - Nghiệp vụ Văn phòng:                               | 16         |
| - Quản lý chất lượng & Thử nghiệm:                   | 24         |
| - Lao động Kỹ thuật:                                 | 22         |
| - Lao động Sản xuất:                                 | 82         |
| - Lao động phổ thông:                                | 24         |
| <b>Tổng cộng:</b>                                    | <b>229</b> |

### **3.2 Chính sách đối với người lao động**

Sở dĩ Ngõ Han có được đội ngũ nhân lực như hiện nay thì ngoài công tác tuyển chọn, đào tạo và quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, Ngõ Han còn có nhiều chính sách hấp dẫn để người lao động có năng lực gắn bó làm việc lâu dài tại công ty, cụ thể như chính sách thưởng cổ phiếu cho cán bộ quản lý cấp trung cao, chính sách hỗ trợ mua đất và xây dựng nhà ở cho cán bộ công nhân viên làm việc lâu năm, chính sách đầu tư đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý ở các khóa quản trị nâng cao dài hạn như chương trình quản trị cao cấp MIB, MBA;...

Tuy nhiên, nền tảng nhất vẫn là chính sách về lương thưởng phù hợp theo khả năng đóng góp của mỗi người, tạo được động lực để phát huy hiệu quả năng lực của mỗi cán bộ nhân viên.

*Bảng tóm tắt chế độ lương bổng theo cấp bậc hay bậc lương cho các năm 2010, 2011  
(bao gồm lương hàng năm, tiền thưởng hay bất kỳ các trợ cấp khác)*

| Năm              | Lãnh đạo |               | Quản lý    |               | NV, CN    |                | Tổng        |                |
|------------------|----------|---------------|------------|---------------|-----------|----------------|-------------|----------------|
|                  | Nhân sự  | Lương ('000)  | Nhân sự    | Lương         | Nhân sự   | Lương          | Nhân sự     | Lương          |
| 2010             | 7        | 236,950       | 17         | 165,860       | 195       | 594,169        | 219         | 996,979        |
| 2011             | 7        | 255,483       | 21         | 256,360       | 201       | 824,247        | 229         | 1,336,090      |
| <b>2011-2010</b> | <b>0</b> | <b>18,533</b> | <b>4</b>   | <b>90,500</b> | <b>6</b>  | <b>230,078</b> | <b>10</b>   | <b>339,111</b> |
| <b>2011/2010</b> |          | <b>7.8%</b>   | <b>23%</b> | <b>54.5%</b>  | <b>3%</b> | <b>38.7%</b>   | <b>4.5%</b> | <b>34%</b>     |

## VIII. QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

### 1. Danh sách cổ đông sáng lập:

| Tên Cổ đông         | Địa chỉ                                                        | Số cổ phần       | Tỷ lệ (%)     |
|---------------------|----------------------------------------------------------------|------------------|---------------|
| Ngô Thị Thông       | 102/1A Lý Chiêu Hoàng, P.10, Q.6, TP.HCM                       | 5.826.743        | 25,39%        |
| Nguyễn Vũ Dương     | 102/1A Lý Chiêu Hoàng, P.10, Q.6, TP.HCM                       | 2.216.709        | 9,66%         |
| Nguyễn Văn Vũ Lượng | Unit 3, 91-93 Sandown RD. Springvale, Victoria 3171, Australia | 1.497.776        | 6,53%         |
| <b>Tổng</b>         |                                                                | <b>9.541.228</b> | <b>41,57%</b> |

### 2. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần:

| Tên cổ đông                                                                    | Địa chỉ                                                           | Số cổ phần        | Tỷ lệ (%)    |
|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------|
| Ngô Thị Thông                                                                  | 102/1A Lý Chiêu Hoàng, P.10, Q.6, TP.HCM                          | 5.826.743         | 25,4%        |
| Mekong Enterprise Fund (đại diện sở hữu: Chris Freund)                         | Mekong Capital Ltd Lầu 8, 6 Thái Văn Lung, Q.1, TP.HCM            | 4.750.089         | 20,7%        |
| Mekong Enterprise Fund II (đại diện sở hữu: Chris Freund)                      | Mekong Capital Ltd Lầu 8, 6 Thái Văn Lung, Q.1, TP.HCM            | 2.066.930         | 9,0%         |
| Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (đại diện sở hữu: Ông Nguyễn Huy Hùng) | Tháp A-Vincom City Tower, 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội | 2.499.573         | 10,9%        |
| Quỹ Bản Việt (đại diện sở hữu: Ông Nguyễn Khánh Linh)                          | 1501-1502, Lầu 15, 29 Lê Duẩn, Q.1, TP.HCM                        | 2.272.339         | 9,9%         |
| Nguyễn Vũ Dương                                                                | 102/1A Lý Chiêu Hoàng, P.10, Q.6, TP.HCM                          | 2.216.709         | 9,7%         |
| Nguyễn Văn Vũ Lượng                                                            | Unit 3F 91-93 Sandown Rd Springvale, Victoria 3171 Australia      | 1.497.776         | 6,5%         |
| <b>Tổng</b>                                                                    |                                                                   | <b>21.130.159</b> | <b>92,1%</b> |

TP.HCM, Ngày 16 tháng 04 năm 2012.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGÔ HAN**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Đã ký)

**NGÔ THỊ THÔNG**